TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 203/2021/HC-PT
Ngày: 19/10/2021
V/v khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Mạnh Hùng;

Bà Lê Thị Mai.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhật Phương - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Hoàng Thị Hải - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 440/2020/TLPT-HC ngày 26 tháng 8 năm 2020 về việc "Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 22/2020/HCST ngày 20/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Q bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 310/2021/QĐ-PT ngày 08 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị D; địa chỉ: Tổ 95, khu 6, phường B, thành phố H, tỉnh Q; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Trương Xuân H - Luật sư Văn phòng luật sư G thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Đỗ Tuấn N - Luật sư Công ty luật K thuộc Đoàn luật sư tỉnh Q; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP H, tỉnh Q; địa chỉ: Số 02 Đ, phường G, thành phố H, tỉnh Q.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lưu Hải Y - Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố H, tỉnh Q; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn K; Địa chỉ: Tổ 95, khu 6, phường B, thành phố H, tỉnh Q; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị D.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người khởi kiện bà Nguyễn Thị D trình bày: Năm 1989, bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn K được ngành than bán cho 01 ngôi nhà cấp 4 sau khu nhà tập thể 3 tầng trên diện tích đất 72,6m^2 (đất do ngành than quản lý, trước năm 1989 ngành than bố trí cho gia đình ông Lê Văn A xây nhà ở, gia đình ông A tự đầu tư xây dựng đến năm 1989 ông A trốn đi nước ngoài) tại tổ 95, khu 6, phường B, thành phố H.

Năm 2006, thực hiện dự án Khu hỗn hợp chung cư, văn phòng, trung tâm thương mại và nhà ở kết hợp phố mua sắm tại phường B, thành phố H, Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố H đã tiến hành thu hồi đất của hộ gia đình bà D để thực hiện dự án. UBND thành phố H đã ban hành Quyết định số 1402/QĐ-UBND ngày 26/5/2016; Quyết định số 2420/QĐ-UBND ngày 02/8/2016; Quyết định số 3479/QQĐ-UBND ngày 07/10/2016; Quyết định số 7677/QĐ-UBND ngày 23/8/2017; Quyết định số 940/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ bà D. Tại phương án bồi thường đã giải quyết chính sách tái định cư cho hộ bà D đủ điều kiện bố trí 01 ô đất tái định cư, hộ bà D đồng ý với nội dung phương án bồi thường được phê duyệt.

Ngày 06/3/2015, UBND thành phố H ban hành Thông báo số 96/TB-UBND về chính sách bồi thường, hỗ trợ cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc diện di chuyển, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu hỗn hợp, chung cư, văn phòng, trung tâm thương mại và nhà ở kết hợp khu mua sắm tại phường B, thành phố H, có nội dung quy định về bố trí tái định cư nếu đủ điều kiện bồi thường đất ở, phải di chuyển chỗ ở và không còn chỗ ở nào khác trên địa bàn phường (nơi có đất thu hồi) thì được ưu tiên lựa chọn vào một trong các khu tái định cư sau đây của thành phố: Khu dân cư và tái định cư tại phường H (trừ khu đất đấu giá) có 106 ô đất; khu tự xây Hợp tác xã rau C tại phường E có 56 ô đất; khu tự xây hồ điều hòa tại phường Y có 15 ô đất; khu tái định cư và xây khu đô thị I có 64 ô đất; khu tự xây và tái định cư khu 7, 8 phường L có 126 ô đất; khu tái định cư dự án đường 337 tại phường V có 11 ô đất.

Ngày 05/9/2015, UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 2946/QĐ-UBND quy định về chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Khu hỗn hợp, chung cư, văn phòng, trung tâm thương mại và nhà ở kết hợp khu mua sắm tại phường B, có nội dung:

"*1. Đối với các hộ thu hồi đất ở, nhà ở riêng lẻ không thuộc nhà chung cư đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất hoặc đủ điều kiện được bồi thường về đất bị thu hồi*

hết đất ở, hoặc diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở thì được lựa chọn một trong hai hình thức sau:

a)…….

b) Nếu không nhận nhà tái định cư thì được lựa chọn mua đất tại các khu tái định cư của thành phố H".

Ngày 29/9/2015, UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 2880/QĐ-UBND quy định về việc phê duyệt giá đất cụ thể làm căn cứ bồi thường, tái định cư thực hiện Dự án.

Ngày 09/8/2016, UBND thành phố H đã ban hành Văn bản số 4501/UBND về việc bố trí tái định cư cho các hộ dân thuộc diện giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án, UBND thành phố H có ý kiến chỉ đạo như sau:

"*1. Đối với các hộ đủ điều kiện bồi thường về đất và được bố trí TĐC, có vị trí đất bồi thường bám đường 25/4 hoặc đường R được mua đất tái định cư tại Khu dân cư và tái định cư phường H.*

2. Đối với các hộ đủ điều kiện bồi thường về đất và được bố trí TĐC, có vị trí đất bồi thường bám đường nhánh đường 25/4 và đường R được mua đất tại Khu tự xây, tái định cư và khu dân cư cải tạo bãi M, phường E".

Ngày 26/12/2017, Trung tâm phát triển quỹ đất đã lập biên bản làm việc với bà D và thông báo trên địa bàn thành phố có quỹ đất tái định cư để lựa chọn gồm: Khu tự xây, tái định cư bãi M; khu điều chỉnh cục bộ quy hoạch tỷ lệ 1/500 khu đô thị Cao Xanh-V B; khu tự xây và tái định cư phía Tây thành phố tại khu 7, khu 8 phường L, thành phố H.

Không đồng ý với các vị trí tái định cư nêu trên, bà D đã khiếu nại đến UBND thành phố H đề nghị được giao đất tái định cư tại khu dân cư và tái định cư phường H, thành phố H.

Ngày 07/6/2018, Chủ tịch UBND thành phố H đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 3033/QĐ-UBND và không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của bà D; bà D tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Q.

Ngày 18/10/2018, Chủ tịch UBND tỉnh Q ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 4149/QĐ-UBND, có nội dung không chấp nhận khiếu nại của bà D.

Theo bà D tại quyết định giải quyết khiếu nại Chủ tịch UBND tỉnh Q không chấp nhận nội dung khiếu nại là không đúng, xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của gia đình bà, bởi vì: Chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho gia đình bà đã được quy định tại Quyết định số 2946/QĐ-UBND và Thông báo 96/TB-UBND; theo đó gia đình bà D được giao một ô tại đất ở tái định cư tại khu dân cư và tái định cư tại phường H. Đồng thời, tại Quyết định số 2880/QĐ-UBND cũng chỉ phê duyệt giá đất ở tái định cư tại khu dân cư và tái định cư tại phường H cùng với việc phê duyệt giá đất ở bồi thường áp dụng cho dự án mà không phê duyệt giá đất ở tái định cư tại khu tái định cư nào khác của thành phố H.

Ngày 18/01/2019, bà D khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 4149/QĐ-UBND ngày 18/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Q; đề nghị buộc UBND thành phố H giao cho gia đình bà D một ô đất tái định cư tại khu tái định cư phường H theo đúng nội dung Quyết định số 2880/QĐ-UBND ngày 29/9/2015; Quyết định 2946/QĐ-UBND ngày 05/10/2015 của UBND tỉnh Q; Thông báo số 96/TB-UBND ngày 06/3/2015 của UBND thành phố H.

Người bị kiện trình bày: Tại Thông báo số 96/TB-UBND ngày 06/3/2015 của UBND thành phố H quy định về chính sách bồi thường, hỗ trợ cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc diện di chuyển, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án thì được ưu tiên lựa chọn vào một trong các khu tái định cư, trong đó có Khu dân cư và tái định cư tại phường H (trừ khu đất đấu giá). Tại Quyết định số 2946/QĐ-UBND ngày 05/9/2015 của UBND tỉnh Q quy định về chính sách tái định cư: "*b) Nếu không nhận nhà tái định cư thì được lựa chọn mua đất tại các khu tái định cư của thành phố H*". Việc UBND thành phố H ban hành Văn bản số 4501/UBND chỉ đạo Phòng tài nguyên, Trung tâm phát triển quỹ đất bố trí tái định cư cho các hộ trong đó có hộ bà D có vị trí đất bồi thường bám đường nhánh đường 25/4 và đường R được mua đất tại khu tự xây, tái định cư và khu dân cư cải tạo bãi M, phường E là chưa thống nhất với các văn bản trước đó. Tuy nhiên, xuất phát từ tình hình thực tế là các hộ dân bị thu hồi đất ở, vị trí có giá trị cao hơn thuộc các dự án trên thành phố H được bố trí vào khu tái định cư phường H ngày càng tăng nên quỹ đất không đủ. Do vậy, việc điều chỉnh đối tượng ưu tiên tái định cư là phù hợp.

Tại Văn bản số 1530/UBND ngày 15/3/2018 của UBND thành phố H trả lời đơn của bà D có nội dung quỹ đất trong khu tái định cư phường H đã có chủ trương và tái định cư cho các hộ dân thuộc diện phải di chuyển GPMB dự án cải tạo, chỉnh trang đường J. Vì vậy, trong trường hợp quỹ đất tái định cư tại khu dân cư và tái định cư phường H không còn đủ bố trí cho các trường hợp có đất bị thu hồi bám đường nhánh đường 25/4 và đường R, hoặc phải để bố trí cho các hộ gia đình khác cũng bị thu hồi đất ở, vị trí có giá trị cao hơn vị trí thuộc đường nhánh đường 25/4 và R, thuộc dự án khác trên địa bàn thành phố H thì UBND thành phố H phải có thông báo kịp thời và tổ chức tuyên truyền, vận động, hướng dẫn người dân lựa chọn vị trí đất tái định cư tại các khu quy hoạch khác thuộc địa bàn thành phố. Chủ tịch UBND tỉnh Q không chấp nhận yêu cầu của bà D về đề nghị được bố trí 01 ô tái định cư tại khu dân cư phường H.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chủ tịch và UBND thành phố H thống nhất với quan điểm của Chủ tịch UBND tỉnh Q và không có yêu cầu độc lập.

Ông Nguyễn Văn K trình bày thống nhất với quan điểm của người khởi kiện và không có yêu cầu độc lập.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2020/HCST ngày 20/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Q quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D về việc yêu cầu: Hủy Quyết định số 4149/QĐ-UBND ngày 18/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Q; yêu cầu buộc UBND thành phố H giao cho gia đình bà D một ô đất tái định cư khu tái định cư phường H theo đúng nội dung Quyết định số 2880/QĐ-UBND ngày 29/9/2015, Quyết định số 2946/QĐ-UBND ngày 05/9/2015 của UBND tỉnh Q, Thông báo số 96/TB-UBND ngày 06/3/2015 của UBND thành phố H.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và thông báo quyền kháng cáo của đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 27/5/2020, bà Nguyễn Thị D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị D vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm hủy Quyết định số 4149/QĐ-UBND ngày 18/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Q; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính bác yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị D; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ vào quan điểm trình bày và kết quả tranh tụng của các bên đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 18/01/2019, bà Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 4149/QĐ-UBND ngày 18/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Q; khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Q thụ lý, giải quyết đúng quy định tại Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung: Xét tính hợp pháp của Quyết định giải quyết khiếu nại số 4149/QĐ-UBND ngày 18/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Q.

[2.1] Về thẩm quyền ban hành: Chủ tịch UBND tỉnh Q ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 4149/QĐ-UBND là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 21 Luật khiếu nại.

[2.2] Về trình tự, thủ tục ban hành: Ngày 07/6/2018, Chủ tịch UBND thành phố H ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 3033/QĐ-UBND; bà Dung không nhất trí đối với Quyết định số 3033/QĐ-UBND nên đã khiếu nại đối với quyết định nêu trên; ngày 18/10/2018, Chủ tịch UBND tỉnh Q ban hành Quyết

định giải quyết khiếu nại số 4149/QĐ-UBND là đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

[2.3] Về nội dung: Căn cứ bản chứng nhận nhà đất ngày 25/6/2015 của UBND phường B thì hộ bà Nguyễn Thị D vào năm 1989 được ngành than bán cho 01 ngôi nhà cấp 4 trên diện tích đất 72,6m^2 thuộc thửa đất số 8 tờ bản đồ GPMB số 1, có vị trí phía sau khu tập thể nhà 3 tầng của ngành than (bám đường nhánh đường 25/4 và đường R) tại tổ 95, khu 6, phường B, thành phố H. Nhà đất của gia đình bà D bị thu hồi theo dự án: Khu hỗn hợp chung cư, văn phòng, khu trung tâm thương mại và nhà ở kết hợp mua sắm tại phường B, thành phố H. Hộ gia đình bà D không còn nhà đất nào khác trên địa bàn phường B, nên theo Thông báo số 96/TB-UBND ngày 06/3/2015 của UBND thành phố H, Quyết định số 2880/QĐ-UBND ngày 29/9/2015 và Quyết định 2946/QĐ-UBND ngày 05/10/2015 của UBND tỉnh Q thì hộ bà D đủ điều kiện bố trí 01 ô đất tái định cư, tại một trong sáu khu tái định cư theo Thông báo số 96/TB-UBND.

[2.4] Theo các phương án bồi thường và phương án bồi thường bổ sung được phê duyệt thì hộ gia đình bà D được bố trí 01 ô đất tái định cư, nhưng chưa quyết định cụ thể tại khu tái định cư nào của thành phố H; hộ gia đình bà D yêu cầu được giao đất ở tại khu tái định cư tại phường H. Trên cơ sở quyết định phê duyệt phương án bồi thường và căn cứ vào tình hình thực tế quỹ đất tái định cư trong địa bàn thành phố H; cũng như chính sách ưu tiên công bằng giữa các hộ dân bị di chuyển chỗ ở khi bị thu hồi đất giải phóng mặt bằng; xuất phát từ tình hình thực tế là các hộ dân bị thu hồi đất ở, vị trí có giá trị cao hơn thuộc các dự án trên thành phố H được bố trí vào khu tái định cư phường H ngày càng tăng nên quỹ đất không đủ. Do đó UBND thành phố H ban hành Văn bản số 4501/UBND quy định bố trí tái định cư cho các hộ trong đó có hộ bà D có vị trí đất bị thu hồi bám đường nhánh đường 25/4 và đường R được giao đất ở tại khu tự xây, tái định cư và khu dân cư cải tạo bãi M, phường E.

[2.5] Tại Văn bản số 1530/UBND ngày 15/3/2918 của UBND thành phố H trả lời đơn của bà D có nội dung quỹ đất trong khu tái định cư phường H đã có chủ trương và tái định cư cho các hộ dân thuộc diện phải di chuyển GPMB dự án cải tạo, chỉnh trang đường J. Vì vậy, quỹ đất tái định cư tại khu dân cư và tái định cư phường H không còn đủ bố trí cho các trường hợp có đất bị thu hồi bám đường nhánh đường 25/4 và đường R. Theo Công văn số 267/UBND ngày 14/5/2020 của UBND phường H thì tại thời điểm hiện nay toàn bộ các ô đất tái định cư vị trí khu tái định cư phường H đã được cấp hết. Như vậy, do khu tái định cư phường H đã được cấp tái định cư hết quỹ đất; nhưng gia đình bà D vẫn giữ nguyên yêu cầu phải được giao đất ở tái định cư tại khu vực này là hoàn toàn không phù hợp với thực tế. Vì vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q giải quyết khiếu nại không chấp nhận yêu cầu của bà D được giao 01 ô đất ở tái định cư tại khu tái định cư phường H là có căn cứ. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà D đề nghị huỷ Quyết định số 4149/QĐ-UBND và buộc UBND thành phố H giao cho giao cho hộ gia đình bà D một ô đất ở tái định cư của khu tái định cư phường H theo

Quyết định số 2880/QĐ-UBND, Quyết định số 2946/QĐ-UBND, Thông báo số 96/TB-UBND.

[2.6] Để tiếp tục thực hiện giao đất ở tái định cư cho gia đình bà D thì UBND thành phố H có trách nhiệm tiếp tục thực hiện, giới thiệu cho bà D về các vị trí tái định cư khác trên địa bàn thành phố còn quỹ đất tái định cư phù hợp; để bà D lựa chọn thực hiện quyền được giao đất ở tái định cư của mình theo đúng quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi của hộ gia đình bà D.

[2.7] Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét tính hợp pháp của các Quyết định số 3033/QĐ-UBND ngày 07/6/2018, Quyết định số 1402/QĐ-UBND ngày 26/5/2016; Quyết định số 2420/QĐ-UBND ngày 02/8/2016; Quyết định số 3479/QQĐ-UBND ngày 07/10/2016; Quyết định số 7677/QĐ-UBND ngày 23/8/2017; Quyết định số 940/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 là các quyết định liên quan đến Quyết định số 4149/QĐ-UBND là đúng pháp luật.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị D là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về án phí và lệ phí Toà án.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị D; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2020/HCST ngày 20/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Q.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị D không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Q;
- Cục THADS tỉnh Q;
- Lưu hồ sơ vụ án, TANDCC.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Thúy Bình